

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 764/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 1956

NGHỊ ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 764/TTG, NGÀY 8/5/1956

BAN HÀNH BẢN ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành bản Điều lệ đăng ký hộ tịch kèm theo nghị định này.

Điều 2: Bản điều lệ này bãi bỏ các thể lệ về đăng ký hộ tịch đã ban hành trước đây.

Điều 3: Bản điều lệ này thi hành kể từ ngày được công bố.

Điều 4: Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Phan Kế Toại

ĐIỀU LỆ

ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

MỤC I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Bản điều lệ này quy định những nguyên tắc và thủ tục đăng ký các việc sinh, tử, kết hôn, sửa chữa các điều đã đăng ký ; ghi chú các việc thay đổi về hộ tịch và cấp phát giấy

chứng nhận các việc ấy.

Điều 2: Việc đăng ký hộ tịch do Ủy ban hành chính cấp cơ sở phụ trách (Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã, khu phố) và phải làm tại trụ sở Ủy ban hành chính có mặt các người có quan hệ như người đương sự, người đứng khai, người làm chứng tùy theo từng loại việc.

Giấy chứng nhận hộ tịch do chủ tịch Ủy ban hành chính ký và đóng dấu Ủy ban; chủ tịch có thể ủy quyền cho phó chủ tịch hay một ủy viên ký thay.

Điều 3: Trong sổ hộ tịch không được viết tắt, không được tẩy hoặc viết đè chữ nọ lên chữ kia, không được viết hai thứ mực; những chữ về ngày, tháng, năm không được viết bằng chữ số. Nếu có sửa chữa điều gì thì phải chú thích ở dưới là xóa hay thêm mấy chữ và phải do ủy viên phụ trách ký nhận.

Khi ghi chép xong phải đọc lại cho mọi người nghe nhận là đúng và ký tên. Nếu có người không ký được thì Ủy ban phải ghi rõ.

Đăng ký xong, Ủy ban phải cấp ngay cho người đứng khai một bản sao không lấy tiền.

Điều 4: Mỗi loại việc hộ tịch phải đăng ký vào một thứ sổ riêng; mỗi thứ sổ phải có hai quyển làm theo các mẫu đính kèm bản điều lệ này.

Đến cuối năm sau khi khoá sổ, thì gửi một quyển lên Ủy ban hành chính tỉnh hay thành phố, và lưu một quyển ở Ủy ban hành chính cấp cơ sở.

Điều 5: Đối với những việc sinh, tử, kết hôn trước ngày công bố thi hành bản điều lệ này, nếu chưa đăng ký thì có thể xin đăng ký quá hạn; nếu đăng ký rồi mà sổ sách giấy tờ bị thất lạc không xin được bản sao hoặc chỉ làm giấy khai danh dự, thì có thể xin đăng ký lại. Người đương sự sẽ làm đơn xin đăng ký ở nơi đã xảy ra sự việc. Trường hợp đặc biệt có thể xin đăng ký ở nơi hiện đang cư trú.

Điều 6: Sổ sách hộ tịch cũ và giấy chứng nhận hộ tịch cũ của chính quyền đối phương để lại, giấy chứng nhận hộ tịch của chính quyền miền Nam nói chung được công nhận.

Khi cấp bản sao cho nhân dân, Ủy ban hành chính sẽ làm theo mẫu của bản điều lệ này.

Điều 7: Cán bộ, nhân viên nào vì sơ xuất hoặc cố ý làm hư hỏng, mất mát sổ sách hộ tịch, làm sai hoặc làm chậm việc đăng ký sẽ bị phạt theo pháp luật.

Điều 8: Người có nhiệm vụ xin đăng ký mà để quá hạn không khai, sẽ bị phê bình và có thể bị phạt vi cảnh.

Ai tự ý sửa chữa hoặc giả mạo giấy chứng nhận hộ tịch sẽ bị phạt theo luật pháp.

MỤC II: ĐĂNG KÝ VIỆC SINH

Điều 9: Khi có việc sinh, phải đến khai với Ủy ban hành chính sở tại trong hạn ba mươi ngày.

Điều 10: Người đứng khai là cha, mẹ đứa trẻ ; có thể là thân nhân, láng giềng hay người đã chứng kiến việc sinh. Khi đến khai phải trình giấy chứng nhận việc sinh do bác sĩ, y sĩ, y tá, bà đỡ cấp; hoặc giấy chứng nhận của trưởng xóm hay trưởng ban đại diện dân phố.

Trường hợp người cha hay mẹ đứa trẻ đứng khai thì không có giấy chứng nhận nói trên cũng được, nhưng phải có một người làm chứng.

Điều 11: Đối với trẻ con mới đẻ bị bỏ rơi thì việc đăng ký do chính quyền phụ trách. Ai trông thấy trẻ con mới đẻ bị bỏ rơi phải báo với Công an sở tại, Công an lập biên bản, tìm người nuôi đứa trẻ, rồi gửi biên bản sang Ủy ban hành chính để đăng ký.

Điều 12: Nếu có việc sinh trên tàu hay trên xe, thì người phụ trách tàu hay xe phải cấp giấy chứng nhận việc sinh cho người mẹ để sau này khai sinh cho đứa trẻ.

MỤC III: ĐĂNG KÝ VIỆC KẾT HÔN

Điều 13: Việc kết hôn phải đăng ký ở nơi người chồng hoặc vợ đang cư trú, và phải báo trước tám ngày với Ủy ban hành chính sở tại. Khi xin đăng ký thì có hai vợ chồng phải cùng với hai người làm chứng đến Ủy ban hành chính để khai và ký vào sổ.

Trường hợp người vợ hay người chồng chưa đến mười tám tuổi, thì phải có bố hay mẹ hoặc người giám hộ cùng đến khai và ký vào sổ.

Điều 14: Trước khi đăng ký, Ủy ban hành chính phải nhắc lại cho hai bên quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Sau khi nghe hai bên nói rõ bằng lòng lấy nhau. Ủy ban tuyên bố cho họ chính thức kết hôn và đăng ký.

Điều 15: Vợ chồng đã ly hôn nay muốn kết hôn lại với nhau cũng phải xin đăng ký như đã nói ở các điều 13, 14 và ghi rõ là kết hôn lại.

MỤC IV: ĐĂNG KÝ VIỆC TỬ